

QUYẾT ĐỊNH

Về chế độ trợ cấp một lần Mai táng phí đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Quốc phòng - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài Chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 77/TTr-SLĐTBXH ngày 28/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp một lần Mai táng phí cho đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ, với tổng số tiền **87.800.000 đồng** (Tám mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng) từ nguồn kinh phí đảm bảo xã hội năm 2016 đã cân đối cho ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

(Có danh sách và mức trợ cấp cụ thể kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết và thanh, quyết toán khoản kinh phí nêu trên theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *ts*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVPVX;
- Lưu: VT, K20. *bnv*



Nguyễn Tuấn Thanh

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ MAI TÁNG PHÍ
(Kèm theo Quyết định số 1653 /QĐ-UBND ngày 17 / 5 /2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Họ và tên đối tượng	Năm sinh	Họ và tên thân nhân	Quan hệ	Nguyên quán	Chỗ ở hiện nay	Ngày tháng năm từ trần	Mức hưởng (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Hồ Đắc Thắng	1958	Nguyễn Thị Lắm	Vợ	Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Công Chánh, TT. Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	30/04/2012	8.300.000
2	Ngô Văn Mỹ	1962	Lê Thị Chín	Vợ	Xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Tuần Lễ, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	27/01/2016	11.500.000
3	Hồ Văn Phúc	1963	Nguyễn Thị Mai	Vợ	Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh	KV6, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	08/12/2015	11.500.000
4	Trần Văn Nam	1963	Mã Thị Hợi	Vợ	Phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	KV5, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	27/02/2016	11.500.000
5	Ngô Đình Phương	1961	Nguyễn Thị Sáu	Vợ	Xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Vinh Quang 1, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	18/12/2015	11.500.000
6	Trần Anh Tuấn	1961	Trần Thị Bé	Vợ	Xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Vinh Quang 2, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	16/06/2013	10.500.000
7	Đoàn Văn Thanh	1965	Nguyễn Thị Hoàng	Vợ	Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	08/12/2015	11.500.000
8	Nguyễn Minh Dũng	1964	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Vợ	Phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	01/01/2016	11.500.000
	TỔNG CỘNG							87.800.000